

TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THEO CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG

TRẦN NGỌC NGOẠN

Tóm tắt: Từ sau Đổi mới năm 1986, thực hiện chủ trương công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhiệm vụ bảo vệ môi trường luôn được Đảng và Nhà nước coi trọng, được xác định là một trong ba trụ cột trong tiến trình phát triển nhanh và bền vững của nước ta. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã thành công rất tốt đẹp. Đây là dấu mốc quan trọng cho những bước phát triển đất nước những năm tiếp theo, trong đó có công tác bảo vệ môi trường. Nghị quyết Đại hội XIII xác định, bảo vệ môi trường vừa là nội dung vừa là mục tiêu phát triển kinh tế bền vững của đất nước, góp phần thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030; bảo vệ môi trường phải theo phương châm ứng xử hài hoà với thiên nhiên, lấy bảo vệ sức khoẻ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu.

Từ khóa: Đại hội XIII, môi trường, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

IMPLEMENTATION OF ENVIRONMENTAL PROTECTION TASKS FOLLOWING THE PARTY'S RESOLUTIONS

Abstract: Since the start of the Doi Moi (Renovation Campaign) in 1986, along with the implementation of the policy of industrialization and modernization of the country, the task of environmental protection has always been prioritized by the Party and State, and has been identified as a one of the three pillars in the process of rapid and sustainable development of our country. The 13th National Party Congress was a great success. This is an important milestone for the country's development steps in the coming years, including environmental protection. The Resolution of the 13th National Congress determined that environmental protection is desirable and necessary for the country's sustainable economic development, contributing towards the successful implementation of the Socio-Economic Development Strategy 2021- 2030. The protection of the environment and progress in harmony with nature including the protection the health and welfare of the population is the main priority.

Keywords: XIII Congress, environment, environmental protection, sustainable development.

1. Đặt vấn đề

Sau 35 năm thực hiện công cuộc Đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn trên mọi lĩnh vực, đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã bộc lộ nhiều bất cập, tạo ra nhiều áp lực đối với môi trường sinh thái, nguy cơ lớn cản trở mục tiêu phát triển bền vững của đất nước.

Có thể nói, môi trường ngày càng trở thành vấn đề nóng của toàn cầu, ảnh hưởng ngày càng lớn đến phát triển, chất lượng cuộc sống và sức khỏe của nhân dân. Nhận thức rõ tầm quan trọng của môi trường, trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH-HĐH) đất nước, Đảng ta luôn coi bảo vệ môi trường (BVMT) là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, song hành với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Ngay từ Đại hội VI (năm 1986), nội dung BVMT đã được đưa vào Văn kiện: *“xúc tiến công tác điều tra và đánh giá kinh tế tài nguyên thiên nhiên, điều kiện tự nhiên, dân cư và kinh tế - xã hội, công tác dự báo và nghiên cứu chiến lược, phân vùng quy hoạch và phân bố lực lượng sản xuất, xây dựng các luận chứng kinh tế - kỹ thuật cho các chủ trương lớn về phát triển kinh tế và xã hội, sử dụng tốt nhất đi đôi với bảo vệ có hiệu quả môi trường sinh thái”* [1]. Đại hội VII (năm 1991), chủ trương phổ cập các giải pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, xác định các ngành mũi nhọn để kết hợp phát triển kinh tế và BVMT. Đại hội VIII (năm 1996) xác định: *“Tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hóa giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường”* [1].

Để góp phần bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp CNH-HĐH đất nước, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 25/6/1998 yêu cầu các cấp, các ngành cần đổi mới nhận thức, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác BVMT, nắm vững và quán triệt mục tiêu ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, phục hồi và cải thiện môi trường ở những nơi, những vùng đã bị suy thoái, bảo tồn đa dạng sinh học, từng bước nâng cao chất lượng môi trường ở các khu công nghiệp, đô thị và nông thôn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, tiến hành thắng lợi sự nghiệp CNH-HĐH đất nước [3].

Đại hội IX (năm 2001) tiếp tục nhấn mạnh quan điểm BVMT gắn với phát triển bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với BVMT, gắn chặt chính sách môi trường với chính sách phát triển kinh tế - xã hội, coi việc cải thiện môi trường là một tiêu chí để đánh giá sự phát triển.

Nghị quyết 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh

CNH-HĐH đất nước; Nghị quyết đã góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động BVMT trong toàn Đảng và toàn xã hội. Hệ thống các cơ quan quản lý môi trường từ Trung ương đến cơ sở được tăng cường, lực lượng cảnh sát môi trường đã được thành lập và đi vào hoạt động, những vấn đề bức xúc và các điểm nóng về môi trường từng bước được giải quyết.

Đại hội X (năm 2006) của Đảng khẳng định, bảo vệ và cải thiện môi trường là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững. Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006 - 2010 đã đưa ra một số chỉ tiêu được xác định cụ thể như: tỉ lệ che phủ rừng; tỉ lệ dân cư được sử dụng nước sạch; tỉ lệ các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải...

Đại hội XI (năm 2011), tiếp tục coi trọng BVMT, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của cán bộ lãnh đạo các cấp về BVMT. Đưa nội dung BVMT vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án đầu tư. Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.

Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT khẳng định: *“BVMT vừa là mục tiêu, vừa là nội dung cơ bản của sự phát triển bền vững, đầu tư cho BVMT là đầu tư cho phát triển bền vững”*.

Đại hội XII (năm 2016) tiếp tục nhấn mạnh, BVMT là cần thiết và cấp bách, đòi hỏi cần xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để BVMT; có chế tài xử phạt mạnh mẽ răn đe các hành vi gây ô nhiễm môi trường; tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế,

chính sách và thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, quản lý tài nguyên và BVMT; tăng cường thông tin truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của người dân trong BVMT.

Tại Đại hội XIII (năm 2021), vấn đề BVMT tiếp tục được đặc biệt quan tâm, trong đó khẳng định quan điểm của Đảng trong bối cảnh mới: *“Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy BVMT sống và sức khỏe của nhân dân là mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”* [1].

Văn kiện Đại hội XIII cũng chỉ rõ những mục tiêu cụ thể như: Đến năm 2025, tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là 95% - 100%, và nông thôn là 93 – 95%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đảm bảo tiêu chuẩn đạt 90%; tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý chất thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 92%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý là 100%; giữ tỷ lệ che phủ rừng ổn định 42% [1]. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, khắc phục, cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, các cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông; thực hiện đồng bộ các giải pháp công trình và phi công trình để ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, tránh, hạn chế, giảm thiểu tác động do biến đổi khí hậu gây ra; sử dụng có hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh môi trường; giảm thiểu chất thải nhựa...

2. Thực tiễn về những kết quả đạt được và những vấn đề bức xúc trong bảo vệ môi trường hiện nay

2.1. Những kết quả đạt được trong bảo vệ môi trường

Thực hiện các Nghị quyết của Đảng, công tác BVMT ở nước ta trong thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực. Hệ thống chính sách, thể chế BVMT từng bước được xây dựng và hoàn thiện, phục vụ ngày càng có hiệu quả. Nhận thức về BVMT trong các cấp, các ngành và nhân dân đã được nâng lên; mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường đã từng bước được hạn chế; công tác bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ đa dạng sinh học đã đạt được những tiến bộ rõ rệt.

- Kiểm soát nguồn ô nhiễm

Hoạt động kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) đã có những chuyển biến tích cực. Đến 2019, cả nước có 250/280 (89%) KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung, 219/250 (87,6%) KCN đã thực hiện đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục; 276/698 (40%) CCN có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đề án BVMT; 115 CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung, trong đó 25/115 (21,7%) CCN có hệ thống quan trắc nước thải tự động [12].

Tính đến năm 2019, đã có 407/439 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để, đạt tỷ lệ 92,71%; 312/435 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg cơ bản hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để, chiếm tỷ lệ 72,7% [12].

- Về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường

Với dân số 97,4 triệu người, tỷ lệ người dân tiếp cận với các nguồn nước đã cải thiện tăng từ 65% năm 2000 lên 95% năm 2017; tỷ lệ tiếp cận dịch vụ vệ sinh cơ bản tăng từ 52% lên 84% trong cùng kỳ [13].

Theo số liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đến năm 2020, tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 90%, dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ước đạt 96,0% [7].

Vấn đề thu gom chất thải rắn sinh hoạt

Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt (CTRSR) tăng theo từng năm (năm 2010 đạt 81%, năm 2011 đạt 82%, năm 2012 đạt 83%, năm 2013 đạt 83,5 - 84% và năm 2017 đạt 85,5%). Tỷ lệ thu gom CTRSR tại đô thị khoảng 92%; tại nông thôn khoảng 66% và có sự chênh lệch lớn giữa các địa phương [7].

- Vấn đề trồng rừng

Công tác phát triển rừng đã đạt được những thành tựu tích cực, góp phần bảo vệ và phát triển bền vững vốn rừng hiện có, cải thiện đời sống những người làm nghề rừng, nhất là đồng bào dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa... Tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc tăng từ 40,84% năm 2015 lên 41,89% năm 2019, ước năm 2020 đạt khoảng 42%, đạt chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội XII của Đảng [2].

Đến cuối năm 2019, tổng diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững toàn quốc đạt 269,1 nghìn ha trên địa bàn 24 tỉnh (trong đó, diện tích được cấp chứng chỉ rừng theo Hệ thống chứng chỉ rừng của Việt Nam là 10 nghìn ha). Diện tích được cấp mới chứng chỉ quản lý rừng bền vững trong năm 2019 gần 43 nghìn ha. Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt hai triệu mét khối [2].

- Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Giai đoạn 2016 - 2020, các chương trình bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ tiếp tục được triển khai; trong giai đoạn 2016 - 2019, Việt Nam có thêm 06 khu bảo tồn; 02 khu Ramsar và 10 Vườn di sản ASEAN; nâng tổng số các khu bảo tồn của Việt Nam lên 172 khu.

- Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm môi trường

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thành lập các Tổ giám sát môi trường để giám sát các cơ sở có nguy cơ ô nhiễm nghiêm trọng tại ba miền Bắc, Trung, Nam. Đã thiết lập, vận hành đường dây nóng để tiếp nhận thông tin, phản ánh kiến nghị về ô nhiễm môi trường từ Trung ương đến địa phương; ban hành Quy chế phối hợp xử lý các vụ việc về môi trường, sự cố môi trường; triển khai xây dựng hướng dẫn xử lý số liệu quan trắc online tự động.

Như vậy có thể thấy, quan điểm, chủ trương của Đảng về vấn đề BVMT có giá trị lý luận và thực tiễn và đã đi vào đời sống hàng ngày của xã hội. Đây là sự kế thừa và phát triển quan điểm của Đảng qua các thời kỳ. Đảng luôn xác định và đánh giá đúng về tác động của môi trường đối với sự phát triển đất nước.

2.3. Một số vấn đề môi trường bức xúc hiện nay

- Nước sạch và vệ sinh môi trường

Theo đánh giá của Unicef [13], tỷ lệ người dân tiếp cận với các nguồn nước sạch đã cải thiện, song vẫn còn khoảng 10,7 triệu người (10,15 triệu ở nông thôn và 550.000 ở thành thị) vẫn chưa được tiếp cận các công trình vệ sinh môi trường.

Theo Unicef, việc thiếu khả năng tiếp cận với nước sạch cùng với các thực hành vệ sinh kém góp phần làm tăng cao tỷ lệ tiêu chảy, viêm phổi và nhiễm ký sinh trùng. Kết quả là

một phần tư trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi [13].

- Ô nhiễm do nước mặt

Tình trạng ô nhiễm nước mặt ở các đô thị, thể hiện rõ nhất ở hai thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội đang ở mức báo động rất cao. Quản lý nước thải ô nhiễm ngày càng phức tạp, khó khăn hơn. Lượng nước thải đô thị phát sinh ngày càng lớn, hầu hết không qua xử lý, xả trực tiếp ra môi trường, gây ô nhiễm nguồn nước mặt trong các đô thị, khu dân cư; hạ tầng thu gom, xử lý nước thải chưa đáp ứng yêu cầu. Nhiều nguồn nước mặt đã hết khả năng tiếp nhận chất thải, nhiều dòng sông không còn khả năng tự làm sạch, trở thành nơi dẫn, tiêu thoát và chứa nước thải.

Tình trạng ô nhiễm nước mặt ở nông thôn không ngừng gia tăng. Phần lớn các chất thải gia súc không được xử lý, nhất là việc lạm dụng các hóa chất bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp dẫn đến các nguồn nước ở sông, hồ, kênh, mương bị ô nhiễm, ảnh hưởng rất lớn đến môi trường và sức khỏe người dân.

- Vấn đề chất thải rắn sinh hoạt

Lượng CTRSH đã và đang gia tăng về cả số lượng, thành phần và tính chất, gây áp lực rất lớn đến môi trường. Năm 2011 tổng khối lượng CTRSH phát sinh trên toàn quốc là khoảng 44.400 tấn/ngày; đến năm 2019, con số này là 64.658 tấn/ngày (khu vực đô thị là 35.624 tấn/ngày và khu vực nông thôn là 28.394 tấn/ngày), tăng 46% so với năm 2010 [7].

Trong những năm gần đây, ô nhiễm môi trường từ CTRSH, đặc biệt là tại các bãi chôn lấp, đã và đang là vấn đề bức xúc đối với xã hội.

- Ô nhiễm không khí

Báo cáo quan trắc của Bộ Tài nguyên và Môi trường [10] về diễn biến chất lượng không khí từ năm 2010 đến nay cho thấy: từ năm 2018 đến năm 2019, nồng độ bụi PM2.5 có xu hướng tăng hơn so với giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2017.

Chỉ số chất lượng không khí tại một số đô thị như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều thời điểm ở mức xấu với chỉ số AQI từ 150 đến 200, có khi vượt 200 tương đương mức rất xấu.

Nguy hại nhất là bụi mịn gồm những hạt nhỏ bay lơ lửng trong không trung như PM2.5 (dưới 2.5 micromet), khi thâm thấu qua đường hô hấp sẽ là nguyên nhân tiềm ẩn của hàng loạt các căn bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

- Ô nhiễm môi trường công nghiệp, khai thác khoáng sản, làng nghề

Với 878 khu đô thị, 280 KCN, 683 CCN, hơn 500.000 cơ sở sản xuất, trên 3.500 doanh nghiệp khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, hơn 5.400 làng nghề, hơn 13.000 cơ sở y tế đang hoạt động... hàng ngày phát sinh hơn 9.000.000 m³ nước thải sinh hoạt (tỷ lệ thu gom đạt khoảng 12%), 650.000 m³ nước thải công nghiệp, 125.000 m³ nước thải y tế [12].

Các sự cố môi trường trong thời gian qua gây thiệt hại lớn đối với kinh tế, xã hội và môi trường, đồng thời đã làm xáo trộn, gây mất an ninh trật tự, tâm lý bức xúc, bất an trong nhân dân (điển hình như sự cố Formosa, sự cố Công ty bóng đèn Rạng Đông...).

Theo kết quả rà soát của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trên phạm vi cả nước có 36 cơ sở sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường cao, cần phải được giám sát đặc biệt; 132 dự án, cơ sở, khu sản xuất tập trung cần phải kiểm soát thường xuyên thuộc các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao [12].

- Ô nhiễm môi trường biển

Kết quả thống kê cho thấy, có đến 70% các khu, điểm du lịch trong cả nước tập trung ở khu vực ven biển, theo đó là sự phát triển các dịch vụ du lịch biển, hệ quả không chỉ gây áp lực lên hạ tầng đô thị (hệ thống cung cấp điện, nước, hệ thống xử lý chất thải) mà còn tác động đến

không gian của các đô thị ven biển, tác động rõ nhất là sự thay đổi cảnh quan ven biển [5].

Môi trường hệ sinh thái đất ngập nước ven biển, vùng biển ven bờ đang chịu ảnh hưởng do xung đột giữa phát triển khu công nghiệp và bảo tồn ở vùng cửa sông châu thổ sông Hồng, rác thải từ nhà máy công nghiệp ở miền Trung, phát triển quá mức lồng bè nuôi ở các vịnh, vịnh biển.

Tình trạng xả thải các chất thải chưa qua xử lý hay xử lý chưa đạt quy chuẩn diễn biến ngày càng phức tạp, gây thiệt hại lớn về kinh tế, đời sống, sinh kế của cộng đồng dân cư ven biển và những tổn hại khó lường đối với các hệ sinh thái, sinh vật biển.

- Suy giảm đa dạng sinh học

Theo Cục Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quy mô, chất lượng và tính đa dạng của hệ sinh thái tự nhiên tiếp tục suy giảm; việc thành lập mới và mở rộng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên còn chậm; các loài động thực vật hoang dã tiếp tục suy giảm. Tình trạng cháy rừng, chặt phá rừng tăng, gây thiệt hại nghiêm trọng đến diện tích rừng và độ che phủ của thảm thực vật (rừng nguyên sinh chỉ còn khoảng 0,57 triệu ha, 1% các rạn san hô có độ phủ trên 75%, số loài được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam ngày càng tăng với 1.112 loài).

Vùng đầm lầy than bùn cũng bị thu hẹp diện tích và giảm độ dày. Năm 1950, khu vực rừng Tràm vùng U Minh có đến 400.000 ha, đến nay chỉ còn 10.300 ha (với độ dày từ 0,4 - 1,2 m); thảm cỏ biển cũng giảm 50% diện tích năm 2012 so với năm 1999; đầm phá lớn nhất là Tam Giang - Cầu Hai (Thừa Thiên- Huế) đã giảm tới 60% [5, 11].

3. Nguyên nhân những vấn đề môi trường của Việt Nam

Bên cạnh kết quả đạt được, Báo cáo chính trị của Đại hội XIII đã có những đánh giá thẳng

thắn: “Lĩnh vực văn hóa, xã hội, BVMT chưa có nhiều đột phá, hiệu quả chưa cao”, “ý thức chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, BVMT, thích ứng với biến đổi khí hậu còn thấp”, “vai trò, trách nhiệm các cấp, các ngành, cộng đồng và doanh nghiệp chưa được phát huy đầy đủ”, “vẫn để xảy ra một số sự cố môi trường gây hậu quả nghiêm trọng”, “các chế tài để ngăn ngừa, xử lý các hành vi vi phạm chưa đủ sức răn đe và thiếu hiệu quả”, “quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trên một số mặt còn lỏng lẻo, bất cập”...

Thực trạng và xu hướng diễn biến môi trường trong những năm qua cho thấy, môi trường đang đứng trước những thách thức rất lớn. Những vấn đề môi trường nêu trên do các nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó chủ quan là chính [1].

Một số nguyên nhân chủ yếu:

Thứ nhất, hệ thống pháp luật về BVMT tuy đã được hình thành về cơ bản nhưng vẫn còn nhiều bất cập, nhiều quy định còn chung chung mang tính nguyên tắc, thiếu đồng bộ, chồng chéo; cơ chế, chính sách BVMT chậm đổi mới, chưa đồng bộ với thể chế thị trường.

Thứ hai, các cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu các tổ chức đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ, đúng mức về tầm quan trọng của công tác BVMT đối với sự nghiệp phát triển bền vững đất nước; còn tồn tại khoảng cách lớn giữa nhận thức và hành động, giữa cam kết và thực hiện; vẫn còn tư tưởng ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư, xem nhẹ yêu cầu BVMT.

Thứ ba, bộ máy quản lý nhà nước về môi trường chưa đồng bộ và thống nhất từ trung ương đến địa phương; việc phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT còn phân tán, chồng chéo và chưa hợp lý, đặc biệt đội ngũ cán bộ cấp

cơ sở (cấp huyện và cấp xã) vừa thiếu về số lượng và yếu về chuyên môn nghiệp vụ (không được đào tạo cơ bản, chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm, làm công tác địa chính là chủ yếu và công tác về môi trường là phụ) chưa đáp ứng được các yêu cầu đặt ra.

Thứ tư, ý thức chấp hành Luật BVMT và giữ gìn vệ sinh môi trường của các hộ sản xuất kinh doanh, các làng nghề còn kém; ý thức trách nhiệm về BVMT của nhiều nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh còn thấp, chưa chủ động, tự giác thực hiện trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ BVMT, phần lớn vẫn chạy theo lợi nhuận, coi nhẹ BVMT.

Thứ năm, nguồn lực tài chính cho BVMT chưa đáp ứng được nhu cầu, không đủ kinh phí để các địa phương triển khai các hoạt động BVMT, nhất là trong phát triển hạ tầng kỹ thuật xử lý ô nhiễm, xử lý chất thải, phục hồi môi trường... Thiếu nguồn lực đầu tư là thách thức lớn trong bối cảnh các vấn đề môi trường ngày càng gia tăng, tích tụ, ảnh hưởng đến đời sống của người dân.

Thứ sáu, nhiều quy định về xã hội hóa hoạt động BVMT mới chỉ dừng lại ở nguyên tắc, có tính phong trào, chưa đi vào thực chất, chưa có cơ chế hiệu quả để huy động nguồn lực, thu hút đầu tư, xã hội hóa BVMT nên chưa phát huy được hiệu quả.

Ngoài ra, một số nguyên nhân có tính khách quan, đó là nước ta nằm ở vị trí địa lý chịu tác động rất lớn của hiện tượng biến đổi khí hậu và những hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, ngập úng hay nhiễm mặn ở một số vùng...

4. Triển khai các nội dung bảo vệ môi trường theo Nghị quyết Đại hội XIII

4.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường

Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 trong Báo cáo chính trị, Đảng ta

nhiều lần đề cập vấn đề môi trường: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường...”, “lấy BVMT sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”; “phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, BVMT”... [1].

Để góp phần triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng đối với công tác BVMT, phát huy vai trò của tổ chức đảng trong BVMT cần thực hiện đồng bộ giải pháp cơ bản sau:

Một là, BVMT cần được coi là một trong những nhiệm vụ trọng yếu của Đảng hiện nay. Tăng cường năng lực lãnh đạo của Đảng đối với công tác BVMT trong tình hình mới; khắc phục khuynh hướng ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế mà xem nhẹ yêu cầu BVMT. Đẩy mạnh việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo hướng xanh, xây dựng nền kinh tế tuần hoàn. Quan điểm này cần được quán triệt sâu sắc, trước hết trong các cấp ủy đảng, cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, các ngành, đội ngũ đảng viên và tổ chức thực hiện.

Hai là, xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh, bảo đảm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về môi trường một cách chuyên nghiệp. Quản lý nhà nước về BVMT là vấn đề đặc biệt quan trọng bảo đảm cho các nghị quyết của Đảng về BVMT được thực hiện thắng lợi. Điều này, chỉ có thể thực hiện được khi chính quyền các cấp được xây dựng vững mạnh. Đây là một trong những giải pháp cơ bản, then chốt có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao vai trò quản lý nhà nước về BVMT.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, thúc đẩy các biện pháp kinh tế trong BVMT phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với sự tham gia đồng hành của doanh nghiệp và người dân.

Bốn là, phát huy vai trò của hệ thống chính trị - xã hội trong BVMT; tăng cường vai trò tham vấn chính sách, vận động các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư tham gia BVMT;

Năm là, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu các cấp về vấn đề môi trường. Thể chế hóa trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ BVMT đối với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và người đứng đầu; đưa yêu cầu về BVMT vào công tác đánh giá thi đua, khen thưởng.

Sáu là, thực hiện đổi mới việc quán triệt, tuyên truyền các quan điểm, chủ trương BVMT trong các văn kiện Đại hội, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Đưa nội dung BVMT vào sinh hoạt thường xuyên của các tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội.

Bảy là, tăng cường hợp tác quốc tế, khu vực về BVMT theo đường lối đối ngoại của Đảng; qua đó, tranh thủ được sự hỗ trợ của quốc tế để thực hiện các chương trình, dự án về BVMT, góp phần đáng kể trong việc huy động nguồn vốn, tăng cường năng lực khoa học - công nghệ cho BVMT, tiếp thu kinh nghiệm của các nước đóng góp cho công tác BVMT ở Việt Nam.

4.2. Nhiệm vụ cụ thể trong thời gian tới

Trên cơ sở thực tiễn và căn cứ những quy định mới tại Luật BVMT năm 2020 sửa đổi, Chương trình hành động Nghị quyết Đại hội Đảng XIII, một số nhiệm vụ cụ thể cần thực hiện:

Thứ nhất, đẩy mạnh phong trào toàn dân BVMT thông qua các phong trào đã phát huy hiệu quả (Ngày chủ nhật xanh, các mô hình về tiết kiệm sinh thái, xử lý chất thải, cải tạo cảnh

quan...). Tăng cường vai trò và sự giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư, khuyến khích, động viên các cá nhân, tổ chức thực hiện tốt công tác BVMT.

Thứ hai, huy động và ưu tiên các nguồn đầu tư cho công tác BVMT. Tăng dần ngân sách cho BVMT phù hợp với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, sử dụng hiệu quả nguồn lực trong BVMT. Xây dựng cơ chế đột phá nhằm huy động nguồn đầu tư từ xã hội hóa BVMT. Hoàn thiện và triển khai có hiệu quả các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường; xây dựng các cơ chế tài chính dựa trên các nguyên lý của kinh tế thị trường để thúc đẩy điều chỉnh, thay đổi hoạt động sản xuất, hành vi tiêu dùng theo hướng thân thiện với môi trường. Thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp môi trường.

Thứ ba, xử lý triệt để tình trạng gây ô nhiễm môi trường tại các bãi rác thải, khu xử lý rác thải. Thực hiện các quy định, quy chuẩn môi trường của các KCN, CCN, làng nghề. Xây dựng nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các công trình BVMT các làng nghề, CCN.

Thứ tư, hoàn thiện đầu tư trang thiết bị, nhân lực mạng lưới thu gom, vận chuyển và xử lý triệt để CTRSH; chất thải nguy hại phát sinh trong nông nghiệp, sinh hoạt của người dân ngay từ nơi phát thải. Tăng cường đảm bảo đầy đủ kinh phí cho cấp huyện, cấp xã để bù đắp đủ chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn địa phương. Quy hoạch xây dựng các khu xử lý chất thải và kêu gọi các nhà đầu tư triển khai các dự án sử dụng công nghệ xanh, công nghệ thân thiện với môi trường.

Thứ năm, thu hút đầu tư trong xây dựng hạ tầng cấp nước, xử lý nước thải các khu đô thị, KCN, CCN và làng nghề; xử lý triệt để tình trạng ô nhiễm các lưu vực sông. Xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư dài hạn vào lĩnh vực xử lý nước thải.

Thứ sáu, thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, các giải pháp phát triển rừng bền vững, thực hiện tốt chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học, tăng cường công tác bảo tồn các khu vực sinh thái nhạy cảm...

5. Kết luận

BVMT để hướng tới phát triển bền vững là mục tiêu quan trọng hàng đầu mà Đảng đề ra. Trên cơ sở kế thừa và phát triển các quan điểm đã đề ra, những kết quả, thành tích, bài học kinh nghiệm trong công tác BVMT sau 35 năm đổi mới đất nước, Đại hội XIII của Đảng đã đề ra

các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược BVMT. Lấy BVMT sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh toàn thế giới cũng như Việt Nam đang phải đối phó với đại dịch Covid-19 với những diễn biến vô cùng phức tạp.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BVMT trong những năm tới; phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó, xác định những giải pháp có tính chiến lược lâu dài và những giải pháp cấp bách trước mắt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc các khóa VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII.
2. Chính phủ (2020), *Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020*, kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV, <https://quochoi.vn>, truy cập 31/8/2021.
3. Bộ Chính trị (1998), *Chỉ thị 36-CT/TW ngày 25/6/1998 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa*.
4. Chính phủ (2005), *Chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.
5. Ban Bí thư (2016), *Kết luận số 02-KL/TW ngày 26/4/2016 về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.
6. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*.
7. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020), *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2019 - Quản lý chất thải rắn sinh hoạt*.
8. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021), *Báo cáo hiện trạng môi trường biển Việt Nam 2016 - 2020*.
9. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021), *Dự thảo Chiến lược quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2030*.
10. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020), *Thực trạng ô nhiễm không khí ở Việt Nam*, <https://monre.gov.vn/Pages/thuc-trang-o-nhiem-kho...> truy cập 06/9/2021.
11. Cục Quản lý tài nguyên nước (2020), *Tiếp tục bảo động an ninh nước sạch*, <http://dwrn.gov.vn/Tiep-tuc-bao-dong-an-ninh-nuoc...> truy cập 06/9/2021.
12. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020), *Kết quả, thành tựu lĩnh vực môi trường giai đoạn 2016-2020*, <https://monre.gov.vn/Pages/ket-qua,-thanh-tuu-linh-...> truy cập 06/9/2021.
13. Unicef (2020), *Tóm tắt chính sách về nước sạch và vệ sinh môi trường tại Việt Nam*, Nghiên cứu đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam, tháng 2/2020.
14. Trần Thị Hà Vân (2019), *Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác BVMT giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
15. Trung tâm Thông tin và Dữ liệu môi trường (2021), *Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế trong công tác bảo vệ môi trường*, <http://ceid.gov.vn>, truy cập 16/9/2021.

Thông tin tác giả:

Trần Ngọc Ngoạn – Viện Địa lí nhân văn

Địa chỉ: Số 1 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Email: ngoantrandnv@yahoo.com; ĐT: 091 323 7204

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 04/8/2021

Biên tập: 9/2021